

Bản án số: 20/2023/DS-PT
Ngày 12 tháng 01 năm 2023.
“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI H3 NỘI**

- TH3nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Tự Học;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại H3 Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 326/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố HP bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12586/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đồng L, sinh năm 1969; nơi đăng ký thường trú: Thôn ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP; nơi ở: Phố 7, xã TD, huyện T, thành phố HP; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Đồng Đ, sinh năm 1954; vắng mặt.

2. Bà Đào TL, sinh năm 1955; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ, bà TL: Chị Đồng H3, sinh năm 1986; có mặt.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đồng TN; địa chỉ: Thôn 3, xã AH, huyện AD, thành phố HP; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đồng L, sinh năm 1969; địa chỉ nơi ở: Phố 7, xã TD, huyện T, thành phố HP; có mặt.

2. Bà Đồng G; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đồng Nh; có mặt.

Cùng có địa chỉ: Thôn F, xã TS, huyện KL, thành phố HP.

3. Bà Đồng TN1; địa chỉ: Thôn 9, xã Đ, huyện T, thành phố HP; có mặt.

4. Anh Đồng XT; có mặt.

5. Anh Đồng XT5; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Thôn ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP.

6. Bà Đồng Nh; địa chỉ: Thôn F, xã TS, huyện KL, thành phố HP; có mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố HP; địa chỉ: Thị trấn NĐ, huyện T, thành phố HP.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn V, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Các bị đơn ông Ông Đ, bà Đào TL và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đồng XT5.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Cụ Đồng XN8 (sinh năm 1922, chết ngày 04/2/1982) vợ là cụ Lê TO (sinh năm 1922, chết ngày 25/02/1997) có 06 người con đẻ, gồm các ông bà: Đồng TN, Ông Đ, Đồng G, Đồng TN1, Đồng Nh, Đồng L; các cụ không có con nuôi, con riêng; khi chết các cụ không để lại di chúc. Cụ XN8 và cụ TO là chủ sử dụng diện tích đất khoảng 500m², nay là thửa đất số 501, tờ bản đồ số 04, thôn ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP; nguồn gốc đất là do tổ tiên để lại và 02 cụ sinh sống trên diện tích đất này. Các anh chị em của nguyên đơn từ khi sinh ra ở với cha mẹ, lớn lên lần lượt ông Đ, bà Nh, bà G xây dựng gia đình và chuyển đến nơi khác ở, nguyên đơn ở cùng cha mẹ. Sau khi cụ TO chết, khoảng năm 1997 bị đơn mới quay lại ở trên đất, lúc này nguyên đơn mới đi ở nơi khác. Đến năm 2019, nguyên đơn mới biết bị đơn đã Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 766047 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố HP cấp ngày 20/6/2008, chứng nhận tên người sử dụng đất: Hộ bà Đồng Đ, sinh năm 1954; thửa đất số: 501, tờ bản đồ số 04, diện tích: 507m²; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP. Việc bị đơn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn và anh chị em không biết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông bà Đồng Đ; yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 507m², tờ bản đồ 04, thôn Đông Quán, xã Đ, huyện T, thành phố HP.

- *Các bị đơn trình bày:*

Thông nhất về quan hệ nhân thân, huyết thống, con chung, con riêng, con nuôi, thời gian chết của cụ TO, cụ XN8 như nguyên đơn trình bày và thừa nhận các cụ TO, cụ XN8 chết không để lại di chúc.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì: Diện tích đất 507m² tại thửa 501, tờ bản đồ số 04, thôn ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP không

phải là đất của cha mẹ để lại mà là tài sản của dòng họ Đồng, chỉ để thờ cúng, căn cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 465024 ngày 20/5/2009 cấp cho người sử dụng đất hộ bà Đồng TM thể hiện: Liền kề hướng Tây là “đất nhà thờ do Đồng Đ quản lý”, đây chính là diện tích đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế. Cha mẹ bị đơn chỉ có diện tích 180m² đất vườn ở ngay sát cạnh diện tích đất 507m², thửa 501. Diện tích đất này cụ TO cho ông L ở, sau đó cụ TO và ông L đã bán cho bị đơn vào năm 1993 có giấy viết tay và năm 2020 bị đơn đã bán cho người khác. Hiện nay trên diện tích đất 507m², thửa 501 có: 01 nhà chính khoảng 80m²; 01 nhà nhỏ khoảng 20m² và 01 bếp, công trình phụ là các tài sản do vợ chồng bị đơn bỏ tiền ra xây dựng. Năm 2007, bị đơn làm thủ tục và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên, mang tên hộ ông Đồng Đ. Khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do 02 ông chú là Đồng XV (chết năm 2011) và Đồng XS (chết năm 2020) thực hiện. Hộ gia đình bị đơn gồm có: Vợ chồng bị đơn, con Đồng XA (XT) vợ là Vũ T H7, con gái Đồng Thị L, con trai Đồng XT5 vợ là Phùng Th, con gái Đồng Thị Ch, con gái Đồng H3. Diện tích đất này là do tổ tiên để lại, cứ con trưởng đời sau sử dụng kế tiếp con trưởng đời trước, ông là con trưởng của cụ XN8, cụ XN8 là con trưởng của kỵ Đồng N77, kỵ N77 là con trưởng của cụ tổ Đồng T88. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn đối với diện tích đất trên cũng không đúng vì đây là đất của dòng họ, không phải đất của riêng bị đơn; ngoài ra, trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không biết lý do vì sao lại có tài liệu là “BIÊN BẢN HỢP GIA ĐÌNH” ngày 20/12/2007. Theo bị đơn không có tài liệu này, tài liệu này không hợp pháp nên bác bỏ và đề nghị Tòa án làm rõ tài liệu này ở đâu ra, đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của những người tham gia ký vào tài liệu này để xác định không có tài liệu này và để xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn là không đúng. Nếu có tài liệu đó và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là đúng thì cũng chỉ đúng một phần và bị đơn chỉ thừa nhận một phần nội dung trong Biên bản hợp gia đình, đó là nội dung: “bị đơn chỉ được quản lý sử dụng thửa đất trên, không được chuyển nhượng dưới bất kỳ hình thức nào và là tài sản chung dùng để thờ cúng ông bà tổ tiên”, còn các nội dung khác bị đơn không thừa nhận cả trong trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ghi nhận việc ông chỉ được quản lý, sử dụng, không được chuyển nhượng.

Do đó, bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không đồng ý với yêu cầu khởi kiện về chia thừa kế.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Đồng TN, bà Đồng G, bà Đồng TN1, bà Đồng Nh trình bày:*

Thống nhất với trình bày của nguyên đơn cũng như bị đơn về quan hệ nhân thân, huyết thống, con chung, con nuôi, con riêng, thời gian chết của cụ TO, cụ XN8 và xác nhận cha mẹ chết không để lại di chúc.

Thừa nhận cha mẹ các bà khi chết có để lại diện tích đất 507m² thửa 501, tờ bản đồ số 04, thôn ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP. Quá trình sử dụng đất, cha

mẹ các bà đã tạo dựng được 03 gian nhà mái tre lợp rạ, tường gạch, 03 gian nhà ngang tường vách đất, tre, rạ; 01 nhà bếp; 01 bể nước không có mái che; 01 giếng nước. Các bà đều sinh ra và lớn lên trên diện tích đất này; năm 1974, bà Nh xây dựng gia đình và ở riêng, cùng năm 1974 ông Đ lấy vợ và chuyển sang nhà vợ ở xã LD, huyện T; năm 1981, bà G xây dựng gia đình và ở riêng; năm 1985, bà TN1 xây dựng gia đình và ở riêng; năm 1989, ông L lấy vợ và vợ chồng ông L ở cùng với mẹ; năm 1990, bà N xây dựng gia đình và ở riêng. Năm 1994, vợ chồng ông L đấu thầu đầm và chuyển ra ở tạm nhà ngoài đầm đấu thầu nên từ năm 1994 mẹ các bà ở một mình; sau khi mẹ chết mấy tháng thì ông Đ bắt đầu về ở trên diện tích đất này; ngoài diện tích đất nêu trên thì cha mẹ các bà không để lại diện tích đất nào khác, diện tích đất của bố mẹ hiện nay do vợ chồng bị đơn quản lý sử dụng. Toàn bộ diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Đồng Đ. Khi cấp giấy, các bà đều không biết, không ký thủ tục gì. Hiện nay trên diện tích đất không còn tài sản nào của cha mẹ mà chỉ có các tài sản là nhà ở, công trình trên đất do bị đơn bỏ tiền ra xây dựng và thuộc quyền sở hữu của bị đơn. Các bà đều đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà sơ thẩm, các bà Nh, G, TN1, N đề nghị giao phần diện tích đất mà các bà được hưởng thừa kế cho ông L được sử dụng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Đồng XT trình bày:*

Diện tích đất hiện nay bố mẹ là ông Đồng Đ và bà Đào TL đang sở hữu và sinh sống là đất từ đường để các cảnh hương khói chứ không phải đất của ông bà nội là cụ Đồng XN8 và cụ Lê TO. Đất này là của cụ tổ Đồng T88 vợ là cụ Nguyễn Thị G2 để lại đất từ đường cho con trưởng nối trưởng nên cụ Đồng N77 lại phân cho con trưởng là ông nội Đồng XN8 ở giữ đất từ đường, bố của anh là ông Đồng Đ là con trưởng nên tiếp nối quản lý đất từ đường để thờ cúng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố HP:* Không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố HP đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 37, Điều 38; Điều 39; Điều 147, Điều 149, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 50, Điều 123 của Luật Đất đai 2003; Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 766047 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố HP cấp ngày 20/6/2008, chứng nhận tên người sử dụng đất: Hộ bà Đồng Đ; thửa đất số: 501, tờ bản đồ số 04, diện tích: 507m²; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP.

2. Phân chia di sản thừa kế của cụ XN8, cụ TO là diện tích đất 508,8m² thửa đất số 501, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP, như sau:

2.1. Ông Đồng L sử dụng diện tích đất 181,5m² trong tổng số diện tích đất thực tế 508,8m² thửa đất số: 501, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP gồm các mốc giới 11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-22-23-11. Ông Đồng L được sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất được giao gồm: Nhà bếp, giếng, nhà tắm, bể, nhà ở, lán tôn,

Ông Đồng L có trách nhiệm thanh toán trị giá tài sản gắn liền với đất được sử dụng cho ông Đồng Đ và bà Đào TL số tiền là 30.000.000 đồng.

2.2. Ông Đồng Đ sử dụng diện tích đất 327,3m² trong tổng số diện tích đất thực tế 508,8m² thửa đất số: 501, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP gồm các mốc giới 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-23-22-21-1. Các tài sản gắn liền với diện tích đất tương ứng thuộc sở hữu của ông Đồng Đ và bà Đào TL.

Ông Đồng Đ có trách nhiệm thanh toán tiền công sức cho bà Đào TL 145.360.000 đồng.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án theo Luật Thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2021, các bị đơn là ông Đồng Đ, bà Đào TL và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đồng XT5 làm đơn kháng cáo cùng với nội dung: Không đồng ý về việc phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 508,8m² tại thửa đất số: 501, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP vì đây là đất của tổ tiên nhiều đời để lại làm nơi thờ cúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn có kháng cáo là chị Đồng H3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Diện tích đất đo thực tế 508,8m² tại thửa đất số: 501, tờ bản đồ số 04; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP là đất của tổ tiên nhiều đời để lại làm nơi thờ cúng của dòng họ Đồng, đây không phải là di sản thừa kế của cụ XN8, cụ TO. Khi còn sống cụ XN8 và cụ TO đã mua 01 lô đất có diện tích 180m² của cụ S6, đây là thửa đất của cụ TO, cụ XN8 sử dụng để ở, đứng tên trong sổ mục kê và sau đó cho ông L ở nhưng ông L đã bán lại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế.

- Nguyên đơn ông Đồng L không đồng ý với kháng cáo của các bị đơn và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Kháng cáo của ông Đồng L, bà Đào TL, anh Đồng XT5 là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng

dân sự nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đồng XT5 đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Đồng XT5.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Đồng L, bà Đào TL; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 09/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HP.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố HP và không áp dụng thời hiệu khởi kiện do không có đương sự yêu cầu là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 149 của Bộ luật Dân sự.

[1.2] Ngày 05/10/2021, ông Đồng L, bà Đào TL, anh Đồng XT5 làm đơn kháng cáo và gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, có hình thức và nội dung phù hợp quy định của pháp luật; ông Đồng, bà TL là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; anh XT5 đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo anh Đồng XT5 đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên bị coi như từ bỏ việc kháng cáo; do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của anh Đồng XT5 theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn không kháng cáo, vắng mặt các bị đơn có kháng cáo nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đã uỷ quyền cho người khác tham gia phiên tòa, có người đề nghị xét xử vắng mặt, có người vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của ông Đồng Đ, bà Đào TL, Hội đồng xét xử

nhận thấy:

Ông Đồng Đ, bà Đào TL trình bày thừa nhận nguồn gốc thửa đất số: 501, tờ bản đồ số 04, diện tích đo thực tế: 507m²; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP là đất của tổ tiên để lại để làm nơi thờ cúng, đây là đất của dòng họ Đồng, cha mẹ và các bị đơn chỉ là người sử dụng để thờ cúng, không phải là đất của cha mẹ bị đơn nên không phải là di sản thừa kế nhưng ông Đ, bà TL không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất này là đất của dòng họ Đồng thôn ĐQ, xã Đ.

Ông Đ, bà TL và người đại diện theo uỷ quyền tham gia phiên toà phúc thẩm trình bày di sản thừa kế của cụ XN8 và cụ TO là diện tích đất khoảng 180m² mua của cụ S6, liền kề diện tích đất hiện nay đang có tranh chấp; diện tích đất này cụ XN8 và cụ TO đã cho ông L nhưng sau đó ông L đã bán lại cho bị đơn. Tuy nhiên, các tài liệu hồ sơ thể hiện: Theo Sổ Mục kê năm 1978 số thửa 499 (thửa cũ số 110), diện tích 142m², tên chủ sử dụng Đồng Thị S6, có chồng là cụ Nguyễn VT6, hai cụ đều đã chết, không có con; cụ S6 là cô ruột của cụ Đồng XN8; khi còn sống cụ VT6 và cụ S6 ở trên thửa đất 499; cụ VT6 chết trước, cụ S6 ở một mình và không có giấy tờ gì về việc cụ S6 chuyển nhượng, cho tặng diện tích đất của cụ cho ai. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ năm 2008 thì liền kề thửa đất số 501 đang tranh chấp là thửa đất mang tên ông Đồng Đ, đây chính là thửa đất 499 của cụ S6. Tại “Giấy bán vườn” trong hồ sơ thể hiện ông L bán mảnh vườn 180m² cho ông Đ kể từ ngày 20/7/1993, không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh cụ XN8 và cụ TO là chủ sử dụng diện tích đất thửa 499 nêu trên hoặc là chủ sử dụng “mảnh vườn” đã bán cho bị đơn nên ý kiến trình bày của ông Đ, bà TL và ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền tại phiên toà phúc thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

Theo Sổ Mục kê năm 1978: Thửa 501 (thửa cũ 104), tờ bản đồ số 04, tên Đồng XN8, diện tích 481m²; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 766047 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố HP cấp ngày 20/6/2008, chứng nhận tên người sử dụng đất: Hộ bà Đồng Đ; thửa đất số: 501, tờ bản đồ số 04, diện tích: 507m²; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP. Toàn bộ diện tích đất hiện nay bị đơn đang quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng thửa đất của bị đơn không có tranh chấp đất đai với các chủ sử dụng đất liền kề. Diện tích đất thực tế hiện theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Bản vẽ hiện trạng ngày 03/02/2021 là 508,8m², chênh lệch về diện tích đất thực tế so với Sổ Mục kê, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số về đo đạc. Tài sản gắn liền với diện tích đất có công trình nằm rải rác trên toàn bộ diện tích đất; tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của các bị đơn cũng thừa nhận cụ XN8 và cụ TO làm nhà để ở và cùng chung sống, sinh con trên thửa đất này nên đây là tài sản chung của cụ XN8 và cụ TO. Nguyên đơn, các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận cụ XN8 và cụ TO chết không để lại di chúc, khi còn sống các cụ chưa phân chia và chưa cho tặng ai diện tích đất này. Do đó,

bản án sơ thẩm xác định thửa đất số 501, tờ bản đồ số 04, diện tích đất thực tế 508,8m²; địa chỉ thửa đất: ĐQ, xã Đ, huyện T, thành phố HP là di sản thừa thừa kế của cụ XN8, cụ TO; đồng thời chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế diện tích thửa đất nêu trên cho các hàng thừa kế theo pháp luật là có căn cứ pháp luật.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Đồng Đ, bà Đào TL; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Đồng Đ và bà Đào TL là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm; sung công quỹ Nhà nước số tiền anh Đồng XT5 đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đồng XT5.

2. Bác kháng cáo của các bị đơn ông Ông Đ, bà Đào TL; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2021/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố HP.

3. Án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Ông Đ và bà Đào TL. Sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng anh Đồng XT5 đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000045 ngày 13/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố HP.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nh:

- VKSNDCC tại H3 Nội;
- TAND TP HP;
- VKSND TP HP;
- Cục THADS TP HP;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VP, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng